TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023
Tranh chấp quyền sử dụng đất

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm
Các Hội thẩm nH dân:
Ông Nguyễn Hoàng Kha
Ông Ngô Hoàng S

- ***Thư ký ghi Bên bản phiên tòa***: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nH dân thành phố Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nH dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau***: Ông Trương Hoàng Lo - Kiểm Sát Viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nH dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 301/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Chí D, sinh năm: 1942

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Lê Vĩnh T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 09 đường NTT, khóm 1, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Phan Thị U, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số 03, TU, khóm 4, phường 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Ngô Trường S, Sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 3, Tạ Uyên, khóm 4, phường 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Lâm Thị T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp 2, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp 2, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau theo giấy ủy quyền ngày 03/8/2020. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Xứng và bà Mót:

Ông Lê Văn Ph, sinh năm: 1949.

Địa chỉ: Khóm HV, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

Bà Lê Ngọc Th, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Khóm 8, phường 6, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Khóm 7, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

Bà Lê Thanh Ph 1, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Khóm 7, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph, bà Th, ông V, bà Ph 1: Ông Lê Vĩnh T, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 9, đường NTT, khóm 1, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

+ Chị Tô Ngọc H, Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

+ Anh Lê Hoàng Th, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

+ Anh Tô Minh L, Sinh năm 1993 (Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Chí D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc Th, Lê Văn Ph, Lê Hoàng V, Lê Thanh Ph 1 – ông Lê Vĩnh T trình bày:

Nguồn gốc toàn bộ phần đất đang tranh chấp theo đo đạc thực tế 75,6m^2 tọa lạc ấp 2, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau do ông nội của ông D là ông Lê Văn Hợi khai phá sử dụng từ trước năm 1945 để lại, hiện nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp là một phần của thửa đất số 24, tờ bản đồ 20, đây là lối đi chung từ đường lộ vô khu đất nhà mộ gia tộc được sử dụng từ trước đến nay nên không cấp chủ quyền cho ai và ông D là người được thân tộc giao quản lý. Khu đất nhà mộ và lối đi này do những người trong thân tộc qua nhiều đời thay nhau quản lý, riêng phần đất khu nhà mộ có diện tích 1.147,37m^2 thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 20, trên đất hiện có khoảng 60 ngôi mộ và thân tộc thống nhất để ông Lê Chí D quản lý và ông D cùng ông Lê Văn Xứng đã được Ủy Ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/01/2011. Đến khoảng năm 2018 ông D phát hiện bà Lâm Thị T làm hàng rào, xây nhà tiền chế nối liền với nhà bà T và xây nhà vệ sinh trên lối đi chung này. Ông D và những người trong thân tộc có tạm thời sử dụng phần đất của ông Nguyễn Thanh Ph2 làm lối đi vào khu đất nhà mộ, nhưng đất của ông Ph2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp ông Ph2 có nhu cầu

chuyển nhượng, tặng cho, cải tạo đất hoặc rào lại xây nhà thì ngoài lối đi đang tranh chấp với bà T thì không còn lối đi nào khác vào khu đất nhà mộ. Khi phát sinh tranh chấp đại diện thân tộc trong gia đình có thỏa thuận với bà T tháo dỡ hàng rào và các công trình đã xây trên lối đi và thân tộc sẽ hỗ trợ chi phí cho bà T nhưng bà T không đồng ý nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T tháo dỡ công trình đã xây dựng trên đất để thân tộc có lối đi vào viếng mộ và ông D sẽ đại diện thân tộc quản lý đất và hỗ trợ tiền để bà T di dời.

Đại diện của bị đơn - anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Phần đất của bà T đang sử dụng có diện tích chiều ngang 6m x dài 37m, đất được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/9/2003 cho bà Lâm Thị T. Nguồn gốc đất này của cha mẹ chồng bà T là ông Tô Bá T1 và bà Trần Thị C để lại chiều ngang 11m x 37m, chia cho ông Tô Văn B2 (chồng bà T) 6m x 37m, tổng diện tích 222m^2, chia lại cho ông Tô Văn B 5m x 37m, ông B đã bán toàn bộ phần đất cho ông Nguyễn Thanh Ph2. Từ năm 1987 bà T cất nhà (chiều ngang khoảng 4m) trên đất, đến 2008 có sữa chữa nhà nhưng vẫn giữ nguyên diện tích nhà cũ chiều ngang 04m, đến khoảng năm 2018 bà T có xây dựng cơi nới thêm qua phần đất trống là đất đang tranh chấp hiện tại khoảng 02m. Bà T xây dựng nhà đúng với diện tích được cấp giấy không có lấn đất nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay bà T đang sống cùng các con là Tô Ngọc H, Lê Hoàng Th, Tô Minh L, Nguyễn Ngọc D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng Th, chị Tô Ngọc H, Nguyễn Ngọc D trình bày:

Thống nhất với toàn bộ trình bày của bà T, anh chị đang sống chung với bà T trên phần đất tranh chấp. Theo anh Th, chị H, chị D xác định phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông, bà nội cho ông B2 và bà T, không có lấn đất của nguyên đơn nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, xin từ chối tham gia tố tụng, đồng thời yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Phần đất thuộc thửa số 24 tờ bản đồ số 20 có nguồn gốc từ cụ H, cụ S khai phá để lại cho con cháu sử dụng, đến thời điểm hiện tại chưa ai được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này. Thửa đất số 24 có một phần của Lê Điền S1 (con ông Bé), và ông Phan Hữu Thuận quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp, một phần để lại làm lối đi chung duy nhất vào khu đất nhà mộ thuộc thửa đất số 20 đang tồn tại khoảng 60 ngôi mộ những người đã chết trong tH tộc (có mộ chồng và người tH của bà T). Về pháp lý, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T được cấp là thửa 25, trình tự thủ tục cấp giấy chưa đúng luật định, không phù hợp thời gian lập hồ sơ cấp đất, mô tả không đúng vị trí các hộ giáp ranh, có căn cứ xác định bà T được cấp đất thửa 25 nhưng xây cất nhà có 01 phần chồng lấn lên thửa số 24 là sử dụng có sai lệch về vị trí cấp đất. Trên thực tế phần đất đang tranh chấp trước đây là đất trống bà T không quản lý sử dụng mà chỉ đến năm 2018 tiến hành cơi nới

nhà lấn chiếm dẫn đến phát sinh tranh chấp. Đối với việc sử dụng lối đi trên đất ông Ph2 chỉ mang tính chất tạm thời vì bản thân ông Ph2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có quyền định đoạt, trường hợp ông Ph2 cản trở thì sẽ không có lối đi vào khu đất nhà mộ phía sau để viếng mộ hoặc chôn cất người chết, vì thực tế trước đây có thời gian ông Ph2 đóng cửa rào dẫn đến không có lối đi vào khu đất nhà mồ phía sau gây bức xúc trong tH tộc ông D. Từ những căn cứ trên và xuất phát từ nhu cầu thực tế của những người trong tH tộc ông Lê Chí D cần có lối đi vào khu đất nhà mộ phía sau, đây là nhu cầu cần thiết phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với đạo lý, truyền thống dân tộc. Yêu cầu hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, giao phần đất cho ông D đại diện quản lý, để những người trong tH tộc có nơi chôn cất và con cháu đời sau có điều kiện thăm nom, chăm sóc mồ mã, thể hiện lòng Bết ơn với tổ tiên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời nhà, tài sản trên đất để trả lại hiện trạng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 75,6m^2, đối với yêu cầu hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời tương đương giá trị theo kết quả thẩm định giá đất là 111.326.000 đồng và Thẩm định giá phần kiến trúc trên đất tranh chấp là 58.238.000 đồng thì nguyên đơn không đồng ý. Trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D thì ông D là người đại diện nhận đất để quản lý, trường hợp buộc hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời công trình trên đất tranh chấp thì ông D là người chịu trách nhiệm hỗ trợ, bồi thường cho bà T.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp buộc bà T tháo dỡ công trình kiến trúc trả lại hiện trạng đất ban đầu thì bà T yêu cầu phía ông D hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời tương đương giá trị theo kết quả thẩm định giá đất là 111.326.000 đồng và thẩm định giá tài sản trên đất có tranh chấp là 58.238.000 đồng. Trong quá trình sử dụng phần đất tranh chấp bà T có công bồi đắp nhưng không đáng kể nên không yêu cầu phía ông D thanh toán lại công sức bồi đắp, ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát Bểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật trong tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lâm Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 222m^2 và sử dụng ổn định từ năm 2003 đến nay. Đối với phần đất đang ranh chấp có diện tích 75,6m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 20 hiện nay chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa xác định được chủ sử dụng. Việc sử dụng đất ông Ph2 làm lối đi thì ông Ph2 không ngăn cản những người trong thân tộc ông D vào viếng mộ, phần đất đang tranh chấp không phải là lối đi duy nhất nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên hiện trạng căn nhà bà T đang sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ những chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Minh L vắng mặt không lý do; Tô Ngọc H, Lê Hoàng Th, Nguyễn Ngọc D xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Lê Chí D khởi kiện yêu cầu bà T di dời toàn bộ công trình kiến trúc và tài sản trên đất để trả lại phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 75,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20 (Bản đồ chỉnh lý 2009), tọa lạc tại ấp 2, xã TV, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Phần đất có vị trí thể hiện tại bản vẽ ngày 01/02/2021 của Công ty TNHH MTV Môi trường Dâng Ph2 có tứ cận, vị trí như sau: Cạnh hướng Đông giáp Lê Chí D (đoạn M3M4) dài 1,78m; cạnh hướng Tây giáp lộ bê tông (đoạn M5M6) dài 2.07m; cạnh hướng Nam giáp ông Lê Điền S (đoạn M4M5) dài 42,33m; cạnh ngang hướng Bắc giáp Lâm Thị T (đoạn M3M6) dài 41,34m.

Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp: Phía nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc toàn bộ là do ông Lê Văn Hợi khai phá sử dụng từ trước năm 1945 để lại cho những người trong tH tộc trong đó có ông D quản lý sử dụng đến nay. Phía bị đơn xác định đất tranh chấp có chung nguồn gốc với nguyên đơn, do tổ tiên để lại do cha mẹ chồng bà T là ông Tô Bá T1 và bà Trần Thị C cho từ năm 1987, bà T quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/9/2003. Đến năm 2018 bà T sửa chữa nhà xây dựng cơi nới trên phần đất còn để trống thì phát sinh tranh chấp.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T cất nhà trên phần đất cha mẹ chồng tặng cho từ nhà năm 1987, sữa chữa nhà vào năm 2008, thời điểm này chỉ xây nhà trên phần đất chiều ngang khoảng 04m, đến năm 2018 bà T tiếp tục sửa chữa cơi nới xây cất thêm trên phần đất thửa số 24 dẫn đến phát sinh tranh chấp. Khi nhận đất bà T không cắm mốc cặm ranh, theo giấy chứng nhận bà T được cấp là thửa đất số 25, theo kết quả đo đạc thực tế xác định căn nhà bà T có một phần trên thửa số 24 là thửa đang tranh chấp, tuy nhiên hiện nay đối với thửa đất 24, tờ bản đồ số 20 vẫn chưa có cá nH, tổ chức nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với lời trình bày của bà T về việc ông Tô Bá T1 và bà Trần Thị C để lại phần đất chiều ngang 11m x 37m, chia cho ông Tô Văn B2 (chồng bà T) 6m x 37m, tổng diện tích 222m^2, chia lại cho ông Tô Văn B 5m x 37m, ông B đã bán toàn bộ phần đất cho ông Nguyễn Thanh Ph2 là không phù hợp, bởi lẽ trên thực tế phần đất ông B chuyển nhượng cho Nguyễn Thanh Ph2 và Nguyễn Hoài Nam tổng diện tích chiều ngang là 10m. Phía bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích

đất tranh chấp diện tích 75,6m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng của mình, nên lời trình bày của bà T không được chấp nhận.

[5] Việc nguyên đơn cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 24 do ông Hợi để lại và được tH tộc sử dụng làm lối đi vào khu nhà mồ phía sau là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Phần đất tranh chấp diện tích 75,6m^2 từ trước đến nay là đất trống có sử dụng để làm lối đi, tranh chấp chỉ phát sinh từ sau khi bà T xây dựng cơi nới căn nhà vào năm 2018. Đối với việc sử dụng đất ông Ph2 làm lối đi chỉ mang tính chất tạm thời vì ông Ph2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ph2 và những người trong tH tộc ông D hiện vẫn chưa có thỏa thuận thống nhất cụ thể về diện tích, vị trí đất để làm lối đi chung, trường hợp ông Ph2 tặng cho, chuyển nhượng, cải tạo đất hoặc xây dựng công trình thì sẽ không có lối đi vào khu đất nhà mộ phía sau như lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ. Việc ông D khởi kiện không phát sinh từ lợi ích cá nH mà phát sinh từ nhu cầu thực tế của những người trong tH tộc ông D cần có lối đi vào khu đất nhà mộ phía sau, đây là nhu cầu thực tế và cần thiết phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với truyền thống, đạo đức xã hội. Từ những pH tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí D về việc buộc bà Lâm Thị T di dời nhà và toàn bộ công trình kiến trúc, tài sản để khôi phục hiện trạng phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 75,6m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp 2, xã TV, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đồng thời giao cho ông Lê Chí D quản lý với mục đích để những người trong tH tộc ông D sử dụng làm lối đi chung.

[6] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời công trình kiến trúc trên đất tranh chấp tương đương với kết quả thẩm định giá đất là 111.326.000 đồng và thẩm định giá tài sản trên đất có tranh chấp là 58.238.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, phần đất tranh chấp chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa xác định được chủ sử dụng, quá trình bà T sửa chữa xây dựng nhà trên đất tranh chấp phía nguyên đơn không ngăn cản, tranh chấp phát sinh từ sau khi bà T sửa chữa nhà nên việc hỗ trợ chi phí di dời cho bà T là đảm bảo quyền lợi của bà T và phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, mức yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời theo kết quả thẩm định giá đất là 111.326.000 đồng và thẩm định giá tài sản trên đất có tranh chấp là 58.238.000 đồng là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử có điều chỉnh, buộc ông Lê Chí D hỗ trợ số tiền 58.238.000 đồng tương đương với kết quả Thẩm định giá tài sản trên đất là có căn cứ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 5.238.000 đồng, chi phí thẩm định giá đất 11.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản trên đất 4.500.000 đồng. Tổng cộng 20.738.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng 15.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí D.

Buộc bà Lâm Thị T di dời nhà và toàn bộ tài sản, công trình kiến trúc để giao lại phần đất cho ông Lê Chí D quản lý theo đo đạc thực tế có diện tích 75,6m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp 2, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. Các cạnh như sau: Cạnh hướng Đông giáp Lê Chí D (đoạn M3M4) dài 1,78m; cạnh hướng Tây giáp lộ bê tông (đoạn M5M6) dài 2.07m; cạnh hướng Nam giáp ông Lê Điền S (đoạn M4M5) dài 42,33m; cạnh ngang hướng Bắc giáp Lâm Thị T (đoạn M3M6) dài 41,34m.

(Kèm theo bản vẽ trích đo hiện trạng của Công ty TNHH MTV Môi trường Dâng Ph2 ngày 01/02/2021).

Buộc ông Lê Chí D thanh toán chi phí di dời nhà và toàn bộ tài sản cho bà Lâm Thị T với số tiền 58.238.000 đồng.

Chi phí tố tụng: Buộc bà Lâm Thị T thanh toán cho ông Lê Chí D 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp). Ông Lê Chí D không phải chịu án phí. Ông Lê Chí D được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không xem xét việc nhận lại án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- THA dân sự TPCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Hàng Bích Trâm